TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-DS	*K, ngày 23 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông

- Bị đơn: Ông Trần Trung K, sinh năm 1959; Địa chỉ: xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông

3. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

4. Chị Phan Thị A, sinh năm 1999; địa chỉ: xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

5. Anh Phan Phương N1, sinh năm 2001; địa chỉ: xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H1, bà Trần Thị N, chị Phan Thị A, anh Phan Phương N1: Ông Trần Minh H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn C (tên gọi khác: Trần Long T) và cụ Đặng Thị O:

Hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Trần Văn C (tên gọi khác Trần Long Thảng) và cụ Đặng Thị O gồm 6 người là bà Trần Thị D, ông Trần Trung K, ông Trần Minh H, bà Trần Thị H1, bà Trần Thị N, bà Trần Thị L

Bà Trần Thị L đã chết năm 2022, trước đó đã ly hôn, hàng thừa kế thứ nhất của bà L gồm chị Phạm Thị A và anh Phan Phương N1

2.2. Về di sản để lại của cụ Trần Văn C và cụ Đặng Thị O:

Các đương sự xác định di sản của hai cụ Trần Văn C và Đặng Thị O để lại là quyền sử dụng đất 2772m^2 tại thửa số 101 tờ bản đồ số 17, thửa số 4 tờ bản đồ số 14 và thửa số 15 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính xã T lập năm 1996 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778723 ngày 24/9/1996

2.3. Về phương thức phân chia di sản của cụ Trần Văn C và Đặng Thị O

- Chỉ phân chia di sản của cụ Trần Văn C và Đặng Thị O để lại là quyền sử dụng đất tại thửa số 101, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã T lập năm 1996 (nay là thửa số 291 tờ bản đồ số 21 bản đồ địa chính xã T lập năm 2017) tại xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 778723 ngày 24/9/1996. Di sản là quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thửa số 4 tờ bản đồ số 14 và thửa số 15 tờ bản đồ số 11 bản đồ địa chính xã T lập năm 1996 chưa phân chia

- Chia di sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 101 tờ bản đồ số 17 (nay là thửa số 291 tờ bản đồ số 21) có diện tích thực tế là 631,9m2 có giá trị 1.202.440.000đ cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bằng nhau, mỗi phần có giá trị 200.407.000đ.

- Giao cho ông Trần Trung K 1 kỷ phần bằng hiện vật là phần đất ở diện tích 53,0m^2 có vị trí phía Bắc giáp đất ông Trần Trung K (thửa số 290) chiều dài 14,21m, phía N1 giáp phần đất còn lại tại thửa số 291 chiều dài 14,21m, phía Đông giáp thửa số 287 chiều dài 3,73m, phía Tây giáp phần đất còn lại tại thửa số 291 chiều dài 3,73m. Ông K có trách nhiệm làm thủ tục nhập phần đất được chia với thửa đất số 290 liền kề hiện ông đang sử dụng.

- Giao quyền sử dụng toàn bộ phần đất ở nông thôn, đất nuôi trồng thủy sản ngọt còn lại tại thửa số 291, tờ bản đồ số 21 cho ông Trần Minh H (bao gồm kỷ phần của ông H được hưởng và 4 kỷ phần của bà Trần Thị H1, Trần Thị N, Trần Thị D, chị Phan Thị A, anh Phan Phương N1 cho).

- Tài sản trên đất là cây cối nằm trên phần đất được chia cho ai thì người đó tự quản lý, sử dụng.

(có sơ đồ phân chia quyền sử dụng đất kèm theo quyết định)

3. Về chi phí tố tụng và án phí:

3.1 Về chi phí tố tụng : Chi phí đo đạc, thẩm định giá tài sản ông Trần Trung K phải thanh toán cho ông Trần Minh H theo phần là 2.083.000đ

3.2 Về án phí:

- Miễn án phí cho ông Trần Trung K và bà Trần Thị D

- Ông Trần Minh H phải nộp 40.081.000đ (đã làm tròn - bao gồm án phí theo kỷ phần của ông H, bà H1, bà N, chị A và anh N1 được hưởng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.466.000đ đã nộp theo biên lai số AA0004669 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Ông H còn phải nộp 37.615.000đ

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không nộp số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs**.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K\
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA